TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG

Tuần 45, 06 – 10/11/2023

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH

"Đi tìm vùng cân bằng mới"

Tiêu điểm nổi bật:

- Quốc hội thống nhất đặt mục tiêu tốc độ tăng trưởng GDP năm 2024 đạt 6-6.5%. Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân 4.0-4.5%
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã có Quyết định số 1416/QĐ-EVN ngày 08/11/2023 về việc điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân, theo đó giá bán lẻ điện bình quân là 2006.79 đồng/kWh (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) từ ngày 09 tháng 11 năm 2023. Mức điều chỉnh này tương đương mức tăng 4,5% so với giá điện bán lẻ bình quân hiện hành.
- Ngày 9/11, Chủ tịch Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) Jerome Powell cho biết ông và các nhà hoạch định chính sách đang có động lực tích cực từ việc lạm phát hạ nhiệt. Nhưng ông không chắc liệu FED có thể đủ sức duy trì đà giảm này hay không.

Đánh giá: Thị trường có tuần thứ 2 phục hồi cho thấy tâm lý của nhà đầu tư đã cải thiện, tuy nhiên như chúng tôi đã đề cập trong báo cáo tuần trước thì nhịp phục hồi này chỉ mang tính kĩ thuật sau khi quá trình bị giảm mạnh vì nhóm cổ phiếu VIN. Cụ thể, 2 phiên thứ 5 và thứ 6 vừa rồi đã có sự điều chỉnh đi theo diễn biến của chứng khoán thế giới trước phát biểu của ông Powell. Về mục tiêu tăng trưởng kinh tế, chúng tôi cho rằng Việt Nam cần cố gắng nhiều để có thể đạt được mục tiêu. Ngoài ra, việc duy trì lạm phát mục tiêu sẽ khó khăn hơn khi giá điện đã chính thức tăng 4.5%

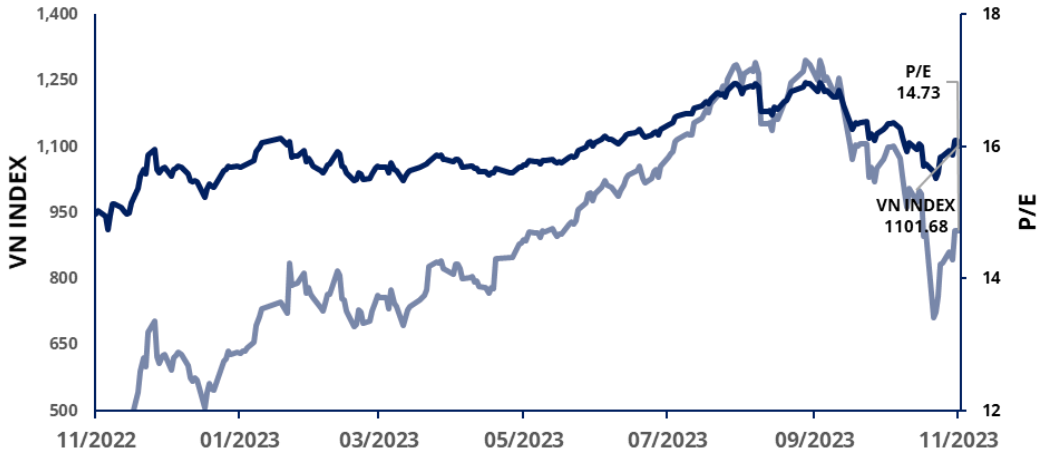
Góc nhìn kĩ thuật: VNINDEX tiếp tục nối tiếp tuần phục hồi thứ 2 liên tiếp, đóng cửa tại 1101.6 điểm (+24.9 điểm, +2.31%) với thanh khoản cải thiện. Chỉ báo STOCH cắt lên đường tín hiệu tại vùng 20 thể hiện thị trường đã chiết khấu khá nhiều trong thời gian qua và đà giảm đó đã chậm lại. Thị trường khả năng cao sẽ giao động tích lũy trong vùng 1020-1100 một thời gian để có thể vượt thoát vùng kháng cự 1100 tương ứng với MA 200 hoàn toàn. Hiện tại cấu trúc sóng của thị trường vẫn đang trong pha giảm khi đỉnh sau và đáy sau vẫn thấp hơn đỉnh trước và đáy trước.

Ý tưởng đầu tư: Nhìn chung, cơ hội giao dịch ngắn hạn vẫn có nhưng có sự phân hóa khá lớn giữa nhiều nhóm ngành và rủi ro thua lỗ là cao. Nhà đầu tư nên tham gia với tỷ trọng thấp với những cổ phiếu có tích lũy đủ chặt.

Dữ liệu thị trường tuần		% Thay đổi					Định giá		
Tên chỉ số	Giá đóng cửa	1W	1M	3M	YTD	Xu hướng	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ USD)
VN-Index	1,102	2.3	-3.7	-9.7	9.4		14.7	1.6	184
Upcom Index	86	2.2	-1.6	-7.6	20.1		12.6	1.3	43
HNX Index	227	4.1	-3.2	-7.1	10.4		22.4	1.2	12
VN30 Index	1,109	2.1	-4.4	-9.6	10.3		11.6	1.6	131
S&P 500 Index	4,347	-0.3	-0.2	-2.7	13.2		20.8	4.1	37,899
STOXX Europe 600 Index	444	-0.1	-1.9	-4.4	4.4		13.1	1.8	12,829
Hang Seng	17,203	-2.6	-2.6	-10.6	-13.0		9.7	1.0	2,557
Nikkei 225	32,568	1.9	2.6	0.3	24.8		26.0	1.9	3,965
SHCOMP Index	3,039	0.3	-1.2	-6.6	-1.6		14.0	1.3	6,287
STI Index	3,107	-1.2	-2.9	-6.5	-4.4		11.2	1.1	356
KOSPI Index	2,410	1.7	0.3	-7.4	7.7		16.0	0.9	1,419

Nguồn: Bloomberg

Giá và chỉ số PE 1 năm



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

[Chuyên viên phân tích] Hoàng Nam
☎ (84-28) 6299 4232
✉ nam.h@shinhan.com

Theo dõi Zalo của SSV,
Cập nhật báo cáo mới nhất
Bấm vào hình hoặc quét QR

WEEKLY SNAPSHOT
Theo vốn hóa và ngành

Theo giá trị vốn hóa

Giá trị vốn hóa	1W	1M	YTD	% Thay đổi GTGD 1W	% Thay đổi GTGD 1M	% Thay đổi GTGD 3M	% Tỷ trọng GTGD Current	% Tỷ trọng GTGD Change	Định giá P/E	Định giá P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Large Cap	2.1	-3.0	9.4	22.6	20.2	-10.5	77.5	-1.4	12.7	1.6	3,856,634
Mid Cap	4.4	-3.9	22.3	34.8	11.3	-16.5	21.2	1.6	23.8	1.2	506,312
Small Cap	1.7	-6.4	7.0	8.8	-9.4	-56.8	1.3	-0.2	-90.8	0.6	70,225

Theo ngành

Tên ngành	1W	1M	YTD	% Thay đổi GTGD 1W	% Thay đổi GTGD 1M	% Thay đổi GTGD 3M	% Tỷ trọng GTGD Current	% Tỷ trọng GTGD Change	Định giá P/E	Định giá P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Tài chính	8.0	-3.5	75.8	21.6	16.2	-8.7	18.5	-0.5	25.4	1.5	164,605
Xây dựng và vật liệu	5.8	-3.3	35.1	49.7	21.2	-12.0	7.5	1.2	59.1	1.2	117,890
Bất động sản	5.6	-4.2	-2.6	26.5	38.6	-13.9	25.1	0.3	13.4	1.2	730,673
Hàng hóa dịch vụ & Công nghiệp	5.3	-3.5	21.7	43.7	14.4	-6.9	5.9	0.8	12.4	1.2	125,977
Tài nguyên cơ bản	5.2	0.8	43.1	45.8	48.3	1.0	8.7	1.2	n.a	1.4	200,456
Hàng cá nhân & Gia dụng	5.0	-4.2	-3.3	6.8	-6.3	-27.2	0.7	-0.1	13.4	1.6	50,141
Hóa chất	5.0	-5.5	28.3	7.2	-25.9	-33.7	3.8	-0.6	15.9	1.4	167,976
Công nghệ Thông tin	4.9	-4.9	34.7	-4.5	-19.8	-13.6	1.5	-0.5	20.3	3.2	129,864
Du lịch và Giải trí	2.9	4.4	-8.0	18.3	10.4	-6.0	0.8	0.0	n.a	12.7	93,416
Bán lẻ	2.6	-14.5	4.2	4.6	8.9	3.0	4.2	-0.8	70.9	2.6	86,770
Dầu khí	1.6	-5.0	14.1	-2.4	-35.3	-14.5	1.0	-0.3	17.3	2.0	57,272
Bảo hiểm	1.3	-3.9	-8.7	5.5	4.8	-46.1	0.1	0.0	14.2	1.3	41,511
Tiện ích	1.2	-7.0	-0.5	48.9	9.3	-26.7	1.1	0.2	13.7	1.9	302,751
Dược và Y tế	0.4	-9.1	13.2	-15.9	-40.9	-45.2	0.1	0.0	13.5	1.9	34,503
Ô tô & Phụ tùng	0.3	-4.0	2.2	-3.3	-25.3	-61.7	0.1	0.0	6.9	1.0	13,674
Ngân hàng	0.3	0.3	20.6	20.5	17.4	-16.9	14.7	-0.5	8.9	1.5	1,641,297
Thực phẩm và đồ uống	-0.6	-8.9	-16.3	19.4	5.7	-19.9	5.9	-0.3	25.8	2.3	414,112
Truyền thông	-3.8	-4.3	113.9	5.1	1.2	137.0	0.1	0.0	42.0	1.0	1,885

Nguồn: ICB cấp 2 - Fiinpro, Bloomberg

WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Tên ETF	Tài sản (Triệu USD)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1W	1M	3M	YTD
Tổng các quỹ ETF	**3,566**	**6.6**	**77.3**	**-144.9**	**110.5**
Nước ngoài	**2,503**	**8.2**	**87.7**	**-71.3**	**190.5**
VanEck Vectors Vietnam ETF	549	0.0	-7.7	-10.4	82.1
Fubon FTSE Vietnam ETF	822	6.2	71.5	13.2	66.4
iShares MSCI Frontier and Select EM ETF	591	0.0	16.8	-44.1	0.5
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	346	1.9	4.5	5.7	66.3
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	166	0.0	2.7	-34.0	-23.8
Premia MSCI Vietnam ETF	15	0.0	0.0	-0.9	-0.6
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	4	0.0	0.0	-0.8	-0.4
Asian Growth CUBS ETF	10	0.0	0.0	0.0	0.0
Trong nước	**1,063**	**-1.6**	**-10.4**	**-73.5**	**-80.0**
DCVFMVN Diamond ETF	580	0.0	0.0	0.0	0.0
DCVFMVN30 ETF Fund	302	0.0	-2.3	-45.8	-49.4
SSIAM VNFIN LEAD ETF	140	-1.7	-9.1	-28.4	-31.3
MAFN VN30 ETF	26	0.0	0.0	-0.5	-1.0
SSIAM VNX50 ETF	6	0.0	0.2	0.3	-0.1
VinaCapital VN100 ETF	4	0.0	0.0	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	5	0.1	0.9	0.9	1.8

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc*	n.a	6,252	-41,410	6,779
Ấn độ	-102	-470	-3,126	11,632
Indonesia	-86	-136	-632	-942
Nhật Bản*	2,099	2,099	21,643	32,782
Maylaysia	130	169	-291	-733
Philippines	3	-6	-177	-906
Hàn Quốc	1,293	1,554	-959	5,365
Sri Lanka	2	2	3	13
Đài Loan	926	1,634	-3,323	-5,503
Thái Lan	-196	-198	-629	-5,156
Việt Nam	-32	-32	-97	-363

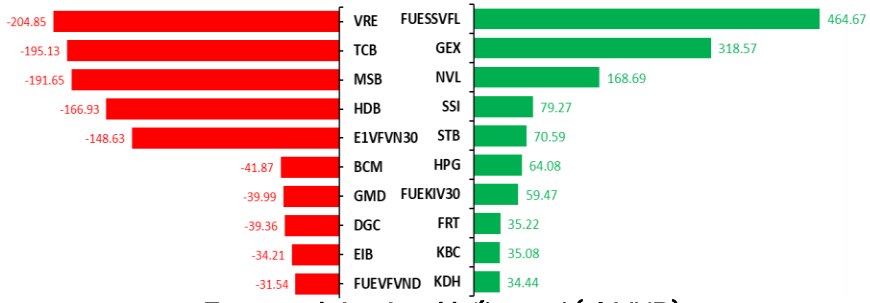
*Trung Quốc: Số liệu có độ trễ 1 quý, Nhật Bản: Số liệu có độ trễ 1 tuần.

Nguồn: Bloomberg

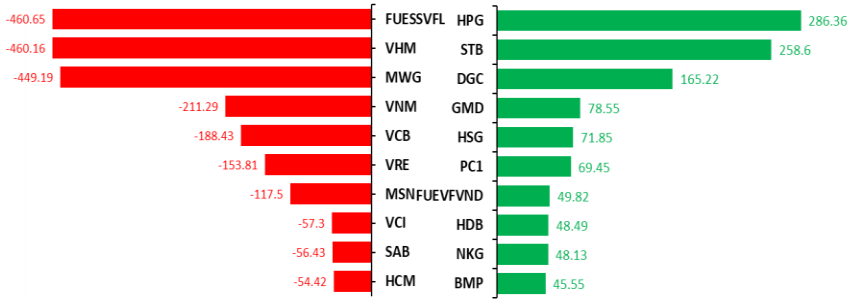
Chú thích:

-WTD: từ đầu tuần
-MTD: từ đầu tháng
-QTD: từ đầu quý
-YTD: từ đầu năm

Top mua bán ròng của tự doanh CTCK (tỷ VND)



Top mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Giao dịch ròng trong tuần của tự doanh và các nhà đầu tư theo nhóm ngành (tỷ VND)

Sub-sector	Proprietary trading (VND bn)	Foreign (VND bn)	Local Individual (VND bn)	Local Institutions (VND bn)
Real Estate	-8	-1,078	1,148	-70
Basic Resources	73	294	-407	112
Media	0	-2	2	0
Industrial Goods & Services	-6	174	-206	32
Health care	0	-2	-13	15
Chemicals	39	265	-270	5
Financial Services	-10	421	-278	-144
Travel & Leisure	3	6	-12	6
Banks	103	-89	-209	299
Construction & Materials	6	160	-158	-2
Food and Beverage	35	77	-113	35
Retail	0	-405	444	-39
Utilities	-3	-10	5	5
Personal & Household Goods	-6	-2	49	-47
Technology	41	1	220	-221
Automobiles & Parts	4	12	-40	29
Insurance	1	7	-7	0
Oil & Gas	1	103	-134	32
Total	275	-69	23	46

Source: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

The put-through transaction value is not included

Top cổ phiếu đáng chú ý

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	SJF	Hóa chất	1.69 - 4.87	1.8	-19.73%
2	CCI	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	18.10 - 31.00	19.6	-15.88%
3	L10	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	17.45 - 29.45	20.0	-14.71%
4	ABR	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	7.72 - 18.00	14.9	-14.37%
5	MDG	Sản xuất nông nghiệp	11.85 - 17.65	12.8	-14.09%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
17.11%	8.9	7.50 - 14.70	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	PMG
16.57%	29.6	20.85 - 37.40	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	CLW
16.43%	12.4	10.65 - 23.80	Bất động sản	FDC
15.83%	7.2	3.19 - 9.83	Bất động sản	DXS
15.38%	12.4	4.28 - 20.75	Dịch vụ tài chính	VIX

* Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	VLA	Công nghệ Thông tin	17.20 - 63.80	19.5	-22.31%
2	VCM	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	14.00 - 29.10	15.1	-12.21%
3	MAS	Du lịch và Giải trí	27.20 - 38.90	27.2	-11.97%
4	TMX	Xây dựng và Vật liệu	7.70 - 13.20	11.2	-10.40%
5	SDG	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	12.60 - 27.50	22.4	-10.40%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
41.30%	13.0	4.60 - 15.30	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	HCT
29.17%	15.5	3.51 - 30.00	Xây dựng và Vật liệu	VC7
28.26%	11.8	8.30 - 16.60	Công nghệ Thông tin	VTC
25.17%	18.9	10.10 - 18.90	Thực phẩm và đồ uống	SJ1
21.95%	15.0	9.70 - 16.23	Xây dựng và Vật liệu	VCC

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	DAS	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	5.30 - 13.50	6.7	-29.47%
2	MIE	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	5.50 - 15.00	5.5	-26.67%
3	BHC	Xây dựng và Vật liệu	1.70 - 2.50	1.7	-26.09%
4	SCY	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	6.20 - 20.00	10.0	-23.08%
5	LUT	Xây dựng và Vật liệu	4.00 - 10.60	5.2	-22.39%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
60.22%	14.9	9.30 - 17.90	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	BBH
38.46%	18.0	8.81 - 23.49	Xây dựng và Vật liệu	CC1
37.15%	79.0	34.60 - 89.90	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	VFC
36.11%	4.9	3.50 - 16.70	Hóa chất	RBC
35.29%	11.5	7.50 - 24.00	Du lịch và Giải trí	BTV

Nguồn: Bloomberg, Đvt: nghìn đồng

Top 10 cố phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến so với tuần liền trước

STT	Mã	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá cổ phiếu		
				TB Ngày (Triệu VND)	%1W	Giá (nghìn VND)	Biến động 52 tuần	%1W
1	CRE	Bất động sản Thế Kỷ	Bất động sản	13,794.1	335.6	7.9	6.20 - 12.65	7.5
2	ORS	Chứng khoán Tiên Phong	Dịch vụ tài chính	40,560.3	152.4	16.1	7.35 - 21.55	4.2
3	EVF	Tài chính Điện lực	Dịch vụ tài chính	30,359.5	133.0	12.9	5.67 - 13.35	7.1
4	TIP	PT KCN Tín Nghĩa	Bất động sản	4,910.6	118.0	23.5	12.00 - 26.50	-1.3
5	BIC	Bảo hiểm BIDV	Bảo hiểm	2,070.0	115.0	25.8	20.35 - 32.00	4.3
6	NT2	Điện lực Nhơn Trạch 2	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	12,143.1	97.6	25.2	20.00 - 34.00	7.2
7	GEX	Tập đoàn Gelex	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	418,026.1	83.5	21.9	10.75 - 26.30	15.0
8	HDC	Phát triển Nhà BR-VT	Bất động sản	126,277.5	73.2	33.8	21.20 - 41.35	4.0
9	HDG	Tập đoàn Hà Đô	Bất động sản	33,034.8	72.4	28.0	17.32 - 33.85	5.3
10	TCD	ĐT Phát triển CN và Vận tải	Xây dựng và Vật liệu	11,962.6	70.3	7.2	3.11 - 10.80	6.5

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam - Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

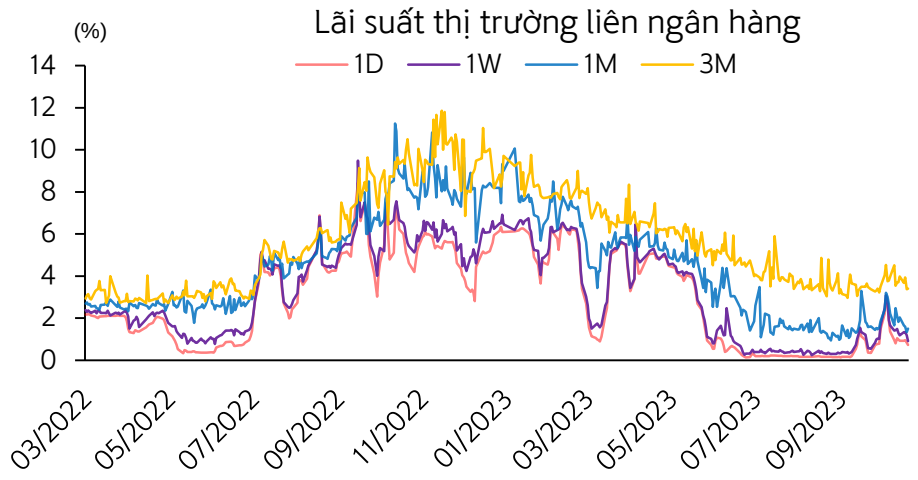
Tỷ giá

	Giá	%1W	%1M	%3M	%YTD	Trend
Dollar index	105.90	0.83	0.07	3.29	2.29	
VND/USD	24,325	-0.96	-0.29	2.45	2.93	
KRW/USD	1,316.90	-0.41	-2.43	0.08	4.06	
JPY/USD	151.45	1.38	1.84	4.63	15.50	
EUR/USD	0.94	0.47	-0.70	2.81	0.24	
SGD/USD	1.36	0.42	-0.23	0.79	1.53	
CNY/USD	7.29	0.20	-0.05	0.99	5.68	

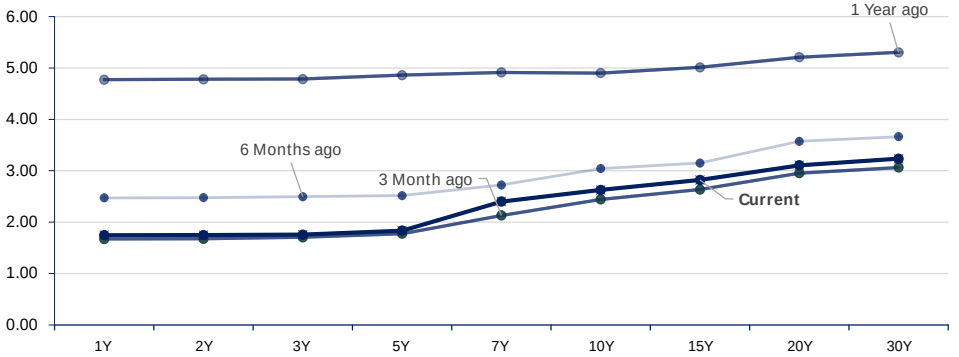
Hàng hóa

	Giá (USD)	%1W	%1M	%3M	%YTD	Trend
Dầu thô	76.41	-5.09	-11.12	-7.74	-4.80	
Xăng	218.55	-0.70	-3.23	-24.76	-11.14	
Gas	3.03	-13.74	-10.35	9.74	-32.25	
Than	123.00	2.50	-12.98	-13.68	-69.57	
Vàng	1,953.40	-1.97	5.00	2.14	7.09	
Bạc	22.55	-2.85	3.26	-0.66	-5.85	
Platinum	853.84	-8.66	-3.66	-6.23	-20.52	
Quặng sắt	127.38	1.44	7.78	21.66	14.47	
Thép cán	3,949.00	1.62	3.32	-0.40	-4.77	
Lúa mì	578.50	1.05	3.58	-9.29	-26.96	
Ngô	468.75	-1.78	-3.45	-3.00	-30.91	

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam



Đường cong lãi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam (%)



TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	1.75	1.75	1.76	1.83	2.40	2.63	2.82	2.64	3.15
Thay đổi (BPS)*	-2.80	-3.60	-3.20	8.40	-15.50	-16.20	-22.50	-6.60	-4.80

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Mạng lưới Shinhan Investment

SEOUL

Shinhan Securities Co., Ltd
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
22nd Floor, Centec Tower, 72-74 Nguyen Thi Minh Khai Street,
District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To,
Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District,
Hanoi, Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000

Thông báo Tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền ⓒ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.